

**PROCESSING CONTRACT FOR  
INTERNATIONAL GOODS**  
**HỢP ĐỒNG GIA CÔNG HÀNG HOÁ QUỐC TẾ**

Between

*Giữa*

..... COMPANY

*CÔNG TY* .....

And

*Và*

..... COMPANY

*CÔNG TY* .....

No.: .....

*Số:*.....

..... City, [date]

*Thành phố* ....., ngày ... tháng ... năm ...

## DỊCH THUẬT SMS

Dịch thuật – Biên soạn hợp đồng song ngữ – Thu âm voice đa ngôn ngữ

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Whatsapp)

✉ [baogia@dichthuatsms.com](mailto:baogia@dichthuatsms.com) | [www.dichthuatsms.com](http://www.dichthuatsms.com)



**THE PROCESSOR: ..... COMPANY**

**BÊN GIA CÔNG : CÔNG TY .....**

Address:

*Địa chỉ:*

Tel:

*Điện thoại:*

Fax:

*Fax:*

Bank Account No.:

*Số tài khoản Ngân hàng:*

Account Holder Name:

*Tên chủ tài khoản:*

At Bank:

*Tại ngân hàng:*

Represented by Mr./Ms.:

*Đại diện bởi: Ông/ Bà*

Position:

*Chức vụ:*

(Hereinafter referred to as Party A)

*(Dưới đây được gọi là Bên A)*

AND

VÀ

**THE CLIENT: ..... COMPANY**

**KHÁCH HÀNG: CÔNG TY .....**

Address:

*Địa chỉ:*

Tel:

*Điện thoại:*

Fax:

*Fax:*

Bank Account No.:

*Số tài khoản Ngân hàng:*

Account Holder Name:

*Tên chủ tài khoản:*

At Bank:

*Tại ngân hàng:*

Represented by Mr./Ms.:

*Đại diện bởi: Ông/ Bà*

Position:

*Chức vụ:*

(Hereinafter referred to as Party B)

*(Dưới đây được gọi là Bên B)*

Party A and Party B are hereinafter collectively referred to as the "Parties".

Bên A và Bên B sau đây được gọi chung là "Các Bên".

**Article 1: Prerequisites****Điều 1: Các điều kiện tiên quyết**

1.1 Party A possesses equipment, production lines, and workshops ensuring the production of products meeting the standards required by Party B.

*1.1. Bên A có các thiết bị, dây chuyền sản xuất và nhà xưởng đảm bảo sản xuất các sản phẩm đạt tiêu chuẩn theo yêu cầu của Bên B.*

1.2 Party A has sufficient factory capacity and labor capacity to prioritize meeting the time and quantity requirements for Party B's orders.

*1.2. Bên A có đủ công suất nhà máy, công suất lao động để ưu tiên đáp ứng về thời gian và số lượng cho đơn đặt hàng của Bên B*

1.3 In return, Party B shall order products and pay remuneration to Party A according to the terms below:

*1.3. Để đáp lại Bên B sẽ đặt hàng các sản phẩm và trả thù lao cho Bên A theo các điều khoản dưới đây:*

a. Party A is granted the exclusive right to process for Party B within the territory of [country's name] except for the provision stipulated in Article 3.2 of this Contract;

*a. Bên A được độc quyền gia công cho Bên B trên lãnh thổ [tên nước], trừ điều khoản được quy định tại Điều 3.2. của Hợp đồng này;*

b. Party A shall be provided by Party B with raw materials, accessories (if any), and/or necessary instructions regarding material sources and techniques to ensure the processed products have stable quality and meet Party B's standards.

*b. Bên A được Bên B giao nguyên vật liệu, phụ kiện (nếu có) hoặc/và các chỉ dẫn cần thiết về nguồn nguyên vật liệu, kỹ thuật để đảm bảo sản phẩm gia công có chất lượng ổn định và đạt tiêu chuẩn của bên B.*

**Article 2: Purpose of the Processing Contract****Điều 2: Mục đích của Hợp đồng Gia công**

2.1 Party B agrees to designate Party A to exclusively process the quantity and quality of items detailed in Appendix 1 attached to this Contract. Each order shall follow the minimum price for each type of item and must be negotiated by the Parties prior to processing.

*2.1. Bên B đồng ý chỉ định Bên A được gia công độc quyền số lượng và chất lượng các mặt hàng được mô tả chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm theo Hợp đồng này. Mỗi đơn đặt hàng sẽ phải theo giá tối thiểu của mỗi loại mặt hàng và phải được Các Bên đàm phán trước khi gia công.*

2.2 Party B commits to supplying raw materials and accessories (if any) to Party A at least ... (...) days prior to the production date; this is understood that production shall only commence when the Letter of Credit is opened.

*2.2. Bên B cam kết cung cấp nguyên vật liệu và phụ kiện (nếu có) cho Bên A ít nhất ... (...) ngày trước ngày sản xuất, điều này được hiểu là việc sản xuất sẽ chỉ bắt đầu khi Thư Tín dụng được mở.*

**Article 3: Ordering and Delivery****Điều 3: Đặt hàng và Giao hàng**

3.1 Party B commits to ordering a quantity of approximately ... (...) units and up to ... (...) units per month. A firm written order shall be sent by Party B to Party A ... (...) days prior to the production date.

*3.1. Bên B cam kết sẽ đặt một lượng hàng xấp xỉ ... (...) đơn vị và cho tới ... (...) đơn vị mỗi tháng. Một đơn đặt hàng cố định bằng văn bản sẽ được Bên B gửi cho Bên A ... (...) ngày trước ngày sản xuất.*

3.2 In the event Party B orders a quantity of products that Party A cannot meet Party B's requirements, Party B allows Party A to select another manufacturer to process a portion of the ordered products, or Party B shall introduce a capable processor to Party A.

*3.2. Trong trường hợp Bên B đặt một số lượng sản phẩm mà Bên A không thể đáp ứng được yêu cầu của Bên B, Bên B cho phép Bên A chọn một nhà sản xuất khác để gia công một phần sản phẩm đã được đặt hàng, hoặc Bên B sẽ giới thiệu một người gia công có năng lực cho Bên A.*

3.3 Party A must deliver and Party B must receive the products at the correct time and location agreed upon, as stipulated in this Contract and Appendix 1 attached hereto.

*3.3. Bên A phải giao và Bên B phải nhận các sản phẩm tại đúng thời gian và địa điểm đã thỏa thuận, như được quy định tại Hợp đồng này và Phụ lục 1 đính kèm.*

3.4 However, the Parties may mutually agree to extend the deadline under special conditions, provided that such an agreement must be explicitly approved in the previous orders.

*3.4. Tuy nhiên, Các Bên có thể cùng nhau thỏa thuận để kéo dài thời hạn theo những điều kiện đặc biệt, với điều kiện là một thỏa thuận như vậy sẽ phải được chấp thuận một cách rõ ràng trong các đơn đặt hàng trước đó.*

3.5 When Party B delays in receiving the finished products, Party A may store the products in a safe place and must notify Party B immediately. The obligation to deliver finished products shall be deemed fulfilled when the agreed terms are satisfied and Party B has been notified of this matter. Party B shall bear all costs arising from such storage.

*3.5. Khi Bên B chậm trễ trong việc nhận thành phẩm, Bên A có thể gửi sản phẩm tại một nơi an toàn và phải thông báo cho Bên B ngay lập tức. Nghĩa vụ giao thành phẩm sẽ coi như được hoàn thành khi các điều khoản đã được thỏa thuận được thỏa mãn và Bên B đã được thông báo về việc này. Bên B chịu tất cả các chi phí phát sinh từ việc gửi giữ này.*

#### **Article 4: Raw Materials**

##### ***Điều 4: Nguyên vật liệu***

4.1 Raw materials shall be prepared by Party A itself or purchased from suppliers designated by Party B.

*4.1. Nguyên vật liệu sẽ do Bên A tự chuẩn bị hoặc sẽ mua từ nhà cung cấp do bên Bên B chỉ định.*

4.2 For raw materials mixed according to Party B's proprietary formula, they shall be prepared by Party B and delivered to Party A ... days before production.

*4.2. Đối với nguyên vật liệu được phối trộn theo công thức riêng của Bên B sẽ được Bên B chuẩn bị và giao cho Bên A trước ... ngày sản xuất.*

#### **Article 5: Term of the Contract**

##### ***Điều 5: Thời hạn của Hợp đồng***

5.1 This Processing Contract is irrevocably effective for ..... years from the date Party B places the first firm written order.

5.1. Hợp đồng Gia công này có hiệu lực không huỷ ngang trong vòng ..... năm kể từ khi Bên B đặt đơn đặt hàng cố định đầu tiên bằng văn bản.

5.2 In the event one Party or both Parties wish to renew this Contract or terminate this Contract on the expiration date, that Party must send a written notice to the other Party 02 months prior to the expiration date.

5.2. Trong trường hợp một Bên hoặc cả hai Bên muốn gia hạn Hợp đồng này hoặc chấm dứt Hợp đồng này vào ngày kết thúc, Bên đó sẽ phải gửi một thông báo bằng văn bản tới Bên kia 02 tháng trước ngày kết thúc.

#### **Article 6: Payment of Remuneration**

##### **Điều 6: Thanh toán các khoản thù lao**

6.1 All payments shall be made by Confirmed Letter of Credit.

6.1. Tất cả các khoản thanh toán sẽ được thực hiện bằng Thư Tín dụng có xác nhận.

6.2 The confirmed Letter of Credit must be established by Party B accompanying the order and no later than ....( ) days prior to the delivery date.

6.2. Thư tín dụng có xác nhận phải được Bên B lập đi kèm với đơn đặt hàng và chậm nhất là ....( ) ngày trước ngày giao hàng.

#### **Article 7: Payment of Fees and Import-Export Taxes**

##### **Điều 7: Trả phí và thuế xuất nhập khẩu**

7.1 All state taxes and export taxes related to the export of processed goods shall be paid by Party A.

7.1. Mọi khoản thuế nhà nước và thuế xuất khẩu liên quan đến việc xuất khẩu hàng hoá được gia công sẽ được Bên A chi trả.

7.2 All state taxes and import taxes related to the import of processed goods shall be paid by Party B.

7.2. Mọi khoản thuế nhà nước và thuế nhập khẩu liên quan đến việc nhập khẩu hàng hoá được gia công sẽ được Bên B chi trả.

#### **Article 8: Insurance**

##### **Điều 8: Bảo hiểm**

8.1 Since all processed product goods will be delivered on FOB/CIF terms, the Parties agree that there will be no other additional insurance.

8.1 Vì tất cả các hàng hoá sản phẩm được gia công sẽ được giao dưới dạng FOB/CIF, Các Bên thoả thuận rằng sẽ không có bất kỳ khoản bảo hiểm bổ trợ nào khác nữa.

#### **Article 9: Rights and Obligations of Party B**

##### **Điều 9: Các quyền lợi nghĩa vụ của Bên B**

9.1 To provide all necessary documents related to the processing.

9.1. Cung cấp tất cả các tài liệu cần thiết liên quan đến việc gia công.

9.2 To provide Party A with instructions or item descriptions according to the order so that Party A knows how to execute the Contract; to support Party A technically; to dispatch technical staff to instruct Party A in case of necessity.

9.2. Cung cấp cho Bên A các chỉ dẫn hoặc bản mô tả mặt hàng theo đơn đặt hàng để cho Bên A biết phải thực hiện Hợp đồng như thế nào; hỗ trợ Bên A về mặt kỹ thuật; cử cán bộ kỹ thuật hướng dẫn Bên A trong trường hợp cần thiết.

9.3 To exchange or return products in case the delivered products do not meet the standards and quality as stipulated in Appendix 1 of the Contract.

9.3. Đổi hoặc trả sản phẩm trong trường hợp sản phẩm giao không đạt tiêu chuẩn, chất lượng như đã quy định trong phụ lục 1 của hợp đồng.

9.4 To be responsible for the legality of the products when distributing the products to the market within its territory.

9.4. Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của sản phẩm khi phân phối sản phẩm ra thị trường trên lãnh thổ của mình.

## **Article 10: Rights and Obligations of Party A**

### **Điều 10: Các quyền lợi nghĩa vụ của Bên A**

10.1 To deliver products to Party B exactly as per the quantity, quality, method, time, and location agreed upon under this Contract or other documents consistent with Article 17.

10.1. Giao sản phẩm cho Bên B đúng như số lượng, chất lượng, phương thức, thời gian và địa điểm đã được thoả thuận theo Hợp đồng này hoặc các văn bản khác phù hợp với Điều 17.

10.2 To keep confidential all information related to the processing and the products.

10.2. Giữ bí mật về tất cả các thông tin liên quan đến việc gia công và sản phẩm.

10.3 To return remaining raw materials and accessories (if any) to Party B after the termination of the Contract.

10.3. Hoàn trả nguyên vật liệu, phụ kiện còn lại (nếu có) cho Bên B sau khi kết thúc Hợp đồng.

10.4 To be responsible for the legality of the goods processing activities within its territory.

10.4. Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hoạt động gia công hàng hoá trên lãnh thổ của mình.

## **Article 11: Liability for Risks**

### **Điều 11: Trách nhiệm đối với rủi ro**

11.1 Party A shall bear the risk for all matters regarding raw materials and products until the products are delivered to Party B.

11.1. Bên A sẽ chịu rủi ro mọi vấn đề về nguyên vật liệu và sản phẩm tới khi sản phẩm được giao cho Bên B.

11.2 If Party B delays in receiving the products, Party B shall bear all risks during the period of delayed receipt.

11.2. Nếu Bên B chậm trễ trong việc nhận sản phẩm, Bên B sẽ chịu mọi rủi ro trong suốt thời gian nhận bị chậm trễ.

11.3 If Party A delays in delivering the products and such delay causes damage to Party B, Party A must compensate for all damages incurred by Party B.

11.3. Nếu Bên A chậm trễ trong việc giao sản phẩm và việc chậm trễ gây thiệt hại cho Bên B, Bên A phải bồi thường mọi thiệt hại mà Bên B phải gánh chịu.

## **Article 12: Complaints, Exchange, and Return of Products**

### **Điều 12: Khiếu nại, đổi trả sản phẩm**

## DỊCH THUẬT SMS

Dịch thuật – Biên soạn hợp đồng song ngữ – Thu âm voice đa ngôn ngữ

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Whatsapp)

✉ [baogia@dichthuatsms.com](mailto:baogia@dichthuatsms.com) | [www.dichthuatsms.com](http://www.dichthuatsms.com)



- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện một phần của tài liệu.
  - **ĐẶT MUA** tại [dichthuatsms.com](http://dichthuatsms.com) để nhận **file word** đầy đủ.
  - Hoặc **Yêu cầu biên soạn/dịch thuật** hợp đồng song ngữ.
- 
- Liên hệ **0934.436.040** (Zalo, Viber).

*Quét mã QR để liên hệ qua Zalo:*

